

# BÁO CÁO TUẦN 53

30/12/2024 - 03/01/2025

*Dự báo thay đổi danh mục chỉ số VN30  
và VNFIN Lead kỳ Q1/2025*



# MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo thay đổi danh mục chỉ số VN30 và VNFIN Lead kỳ Q1/2025*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Quay lại đỉnh ngắn hạn nhờ lực đỡ nhóm cổ phiếu Ngân hàng*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +5.68%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

## Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	27/12/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5970.84	-1.1%	0.7%	-0.5%	24.8%
EU (EURO STOXX 50)	4898.88	0.8%	0.8%	3.5%	8.5%
Trung Quốc (SHCOMP)	3400.142	0.1%	1.0%	2.7%	15.1%
Nhật Bản (NIKKEI)	40281.16	1.8%	4.1%	5.6%	20.1%
Hàn Quốc (KOSPI)	2404.77	-1.0%	0.0%	-3.9%	-9.4%
Singapore (STI)	3771.63	0.3%	1.4%	1.7%	17.3%
Thái Lan (SET)	1401.46	0.3%	2.7%	-2.0%	-1.0%
Phillipines (PCOMP)	6528.79	-0.2%	1.9%	-2.6%	0.1%
Malaysia (KLCI)	1628.14	0.9%	2.3%	1.5%	11.7%
Indonesia (JCI)	7036.571	-0.4%	0.8%	-2.9%	-3.7%
Việt Nam (VNI)	1275.14	0.2%	1.4%	2.7%	13.0%
Việt Nam (HNX)	229.13	-0.3%	0.9%	2.7%	-1.0%
Việt Nam (UPCOM)	94.48	0.1%	1.2%	2.7%	8.6%

Nguồn: Bloomberg

### TTCK THẾ GIỚI

#### TTCK Hoa Kỳ hồi phục với hiệu ứng "Santa Claus rally"

Sau khi có chuỗi giảm 10 phiên, Dow Jones tăng 5 phiên liên tiếp. Hiệu ứng "Santa Claus rally" diễn ra trong 5 phiên cuối năm và 2 phiên đầu năm với mức tăng bình quân 1.3% của S&P 500 kể từ 1950 vẫn đang lặp lại trong năm nay. Chỉ số DXY và lãi suất Chính phủ Hoa Kỳ 10y vẫn duy trì đà tăng tốt.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng bình quân 1.5%, EU600 +0.5%, Nikkei 225 +3.8%; CSI 300 +1.4%.

- Chỉ số hàng hóa tăng 0.5%, giá kim loại và kim loại quý tăng từ 0.2% - 2%, Urea +4.7% trong khi khí tự nhiên -8%, cao su -3.6%, Coca -8.4%.

- Chỉ số DXY +0.4%, cùng TP Hoa Kỳ 10y tăng +0.09% trong tuần.

Nền kinh tế thế giới bước qua 2024 với việc các NHTW cắt giảm lãi suất. TTCK đạt mức kỷ lục ở Mỹ và Châu Âu tạo ra năm bội thu của giới siêu giàu với 141 tỷ phú mới. Dù vậy, Châu Âu đang tụt sau so Hoa Kỳ từ bề tấc chính trị tại 2 nền kinh tế lớn Đức và Pháp đến tình trạng thiếu đầu tư và kỹ năng của khu vực. Trung Quốc gặp áp lực ngày càng lớn từ chuyển dịch mô hình tăng trưởng. Chính sách của Tổng thống đắc cử Hoa Kỳ tạo tác động đến đồng USD mạnh lên, tốc độ giảm lãi suất chậm đi, lạm phát và cuộc chiến thương mại có nguy cơ diễn ra trong 2025. Ngoài ra các cuộc xung đột cũng đặt kinh tế toàn cầu trước các ngã rẽ khó lường mà theo IMF trong báo mới nhất: "Hãy chuẩn bị cho thời kỳ bất ổn".

PMI Canada, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ; Doanh thu bán nhà qua sử dụng, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ; PMI Việt Nam là thông tin chú ý trong tuần tới.

## Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	27/12/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,621.4	-0.5%	-0.1%	-0.6%	26.9%
Bạc	USD/ozt	29.4	-1.4%	-0.5%	-2.4%	22.6%
Thép HRC	USD/T.	730.0	1.4%	7.5%	4.0%	-36.5%
Nhôm	USD/MT	2,541.9	-0.4%	1.2%	-1.5%	8.5%
Niken	USD/MT	15,133.9	-1.1%	-0.4%	-3.6%	-8.6%
Quặng sắt	CNY/MT	778.5	-1.1%	-1.0%	-1.4%	-25.0%
Đầu Brent	USD/bbl.	74.2	1.2%	1.7%	1.8%	-5.4%
Đầu WTI	USD/bbl.	70.6	1.4%	1.6%	2.7%	-1.6%
Xăng	USd/gal.	195.8	0.6%	0.9%	-0.8%	-6.1%
Than đá	USD/MT	126.8	0.0%	-0.5%	-9.9%	-12.9%
Đậu tương	USd/bu.	980.0	-0.8%	0.6%	-0.9%	-24.9%
Cao su	JPY/kg	381.9	0.2%	2.8%	1.9%	58.9%
Đường	USD/MT	508.5	-1.9%	-0.4%	-9.2%	-18.3%

Nguồn: Bloomberg

### TTCK VIỆT NAM

#### Chỉ số bật tăng với sự nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng

VN-Index tăng 1.4% và thanh khoản tăng 21% cùng chiều với TTCK quốc tế trong tuần diễn ra các ngày lễ lớn. Khối ngoại quay lại bán ròng và sự nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu ngân hàng giúp thị trường nhanh chóng quay lại vùng đỉnh tuần trước.

- Nhóm cổ phiếu Ngân hàng chiếm 10 vị trí đầu đóng góp 14.2 điểm, 80% số điểm tăng trong tuần, là động lực tăng điểm chính, tạo nền do dòng tiền dịch chuyển nhanh qua các ngành trong tuần.

- Thị trường có độ rộng tăng điểm tốt với 17/18 ngành tăng điểm. Các ngành truyền thông, du lịch và giải trí, xây dựng và VLXD tăng trên 3% trong khi Dầu khí là ngành duy nhất -2%.

- Khối ngoại mua ròng 21 triệu USD so với mức bán ròng 50 triệu USD tuần trước.

Báo cáo ADB nhận định Việt Nam duy trì là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á năm 2024 và nâng mức tăng trưởng 2025 lên 6.6% so với 6.2% trước đó. Mức điều chỉnh căn cứ vào hiệu suất xuất khẩu mạnh mẽ gồm ngành sản xuất, hiệu suất FDI vững chắc và được hỗ trợ xu hướng giảm lãi suất toàn cầu và giá hàng hóa ở mức vừa phải. Thách thức đến từ xung đột quốc tế nhưng tổ chức này đánh giá chỉ ảnh hưởng khiêm tốn đến Việt Nam. ADB cũng đánh giá dấu hiệu tích cực từ các cải cách thể chế toàn diện, sửa đổi các Luật quan trọng như đầu tư công, đấu thầu, điện lực và quan hệ đối tác công tư qua đó tạo thêm các động lực tăng trưởng mới.

VN-Index nằm trong xu hướng tích lũy sideway up, NĐT có thể tận dụng nhịp đỡ NAV cuối năm giảm bớt tỷ trọng ở vùng đỉnh ngắn hạn cũng như tăng cường hoạt động trading với biên lợi nhuận mỏng cho đến khi xu hướng mới được xác nhận.

## CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo thay đổi danh mục chỉ số VN30 và VNFIN Lead kỳ Q1/2025

Ngày 20/01/2025, HOSE sẽ công bố danh mục cổ phiếu thành phần của 02 bộ chỉ số đáng chú ý là **VN30** và **VNFIN Lead**. Ngày 31/01/2025 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của các ETF tham chiếu theo các bộ chỉ số này. Dựa trên Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 3.1 và dữ liệu chốt ngày 27/12/2024, BSC dự báo về danh mục các chỉ số VN30 và VNFIN Lead như sau:

### 1. VN30

- **LPB** có thể được **thêm mới** do đã thỏa mãn các tiêu chí của bộ chỉ số.
- **POW** có thể **bị loại** do không thỏa mãn điều kiện xếp hạng vốn hóa.

### 2. VNFIN Lead

- **Không có thay đổi** trong kỳ review lần này.

*Lưu ý:* Data BSC dùng để dự báo có thể bị sai lệch do ngày áp dụng dữ liệu, tỷ lệ free-float, trọng số đầu tư.

*Một số lưu ý khác :*

*Về trường hợp chuyển sàn của BSR (Chi tiết dự báo của BSC trong **Báo cáo tuần 41**): BSR dự kiến sẽ niêm yết và chính thức giao dịch tại HOSE vào ngày 17/01/2025. BSC Research đánh giá, nếu xét theo bộ tiêu chí hiện tại BSR sẽ cần tối thiểu 06 tháng để được xem xét khả năng vào rổ VN30 (do giá trị vốn hóa không có khả năng lọt Top 5 sàn HOSE để được xét thời gian trong 03 tháng) -> nhiều khả năng kỳ review tiếp theo cho cơ hội vào rổ VN30 sẽ được đánh với dữ liệu đến hết ngày 31/12/2025 (kỳ review Q1/2026). Trong kịch bản tích cực, BSR có thể lọt vào Top 20 cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất HOSE.*

## CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo thay đổi danh mục chỉ số VN30 và VNFIN Lead kỳ Q1/2025

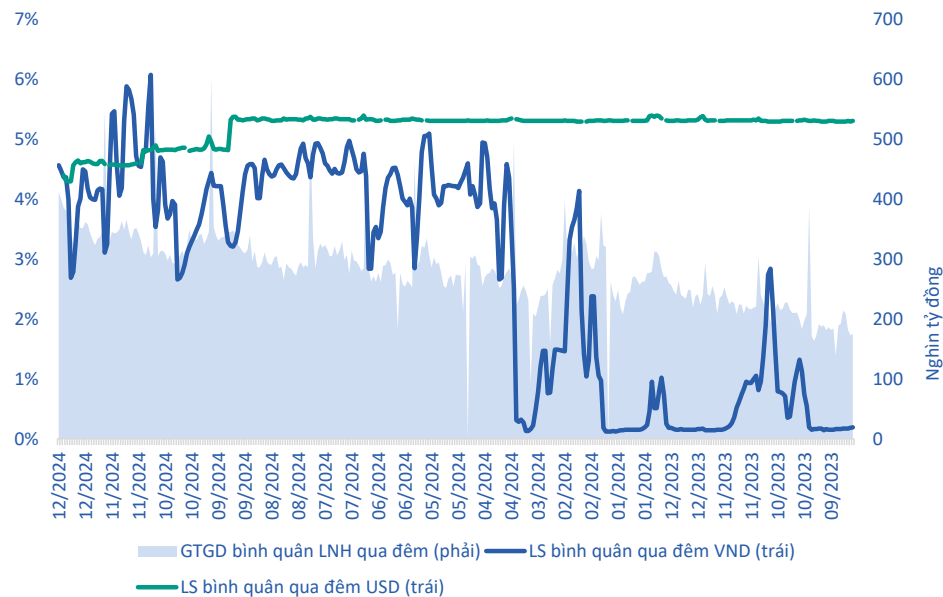
Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF nội Q1/2025

Mã	VN30			VNFIN Lead			Tổng hợp			Ghi chú
	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tổng KLGD	Số phiên GD dự kiến		
LPB	5.81%	550.75	17,766,178	7.06%	5.50	177,554	17,943,732	3.44	Dự kiến thêm mới trong VN30	
SAB	0.55%	6.25	112,061	0.00%	0.00	0	112,061	0.16		
HDB	4.56%	11.27	451,557	5.83%	2.97	119,116	570,673	0.04		
OCB	-	-	-	0.22%	0.34	31,046	31,046	0.01		
MSB	-	-	-	1.48%	0.48	41,378	41,378	0.00		
HCM	-	-	-	0.70%	0.16	5,451	5,451	0.00		
VCI	-	-	-	1.25%	0.04	1,165	1,165	0.00		
EIB	-	-	-	3.26%	(0.46)	(23,854)	-23,854	(0.00)		
NAB	-	-	-	0.24%	(0.23)	(14,519)	-14,519	(0.00)		
VIB	2.08%	(4.14)	(206,325)	1.53%	1.68	83,686	-122,639	(0.01)		
CTG	2.18%	(5.20)	(133,896)	2.87%	1.96	50,562	-83,334	(0.01)		
MSN	3.18%	(6.90)	(98,070)	0.00%	0.00	0	-98,070	(0.02)		
STB	4.92%	(11.88)	(317,752)	10.80%	(1.31)	(34,979)	-352,731	(0.03)		
VIX	-	-	-	1.04%	(5.04)	(496,094)	-496,094	(0.03)		
SSI	2.55%	(4.61)	(173,128)	6.47%	(8.41)	(316,097)	-489,225	(0.03)		
VND	-	-	-	1.38%	(3.64)	(283,118)	-283,118	(0.03)		
VNM	3.72%	(5.44)	(85,199)	0.00%	0.00	0	-85,199	(0.04)		
TPB	1.54%	(7.79)	(465,336)	1.53%	1.17	69,650	-395,686	(0.04)		
HPG	6.59%	(24.58)	(915,482)	0.00%	0.00	0	-915,482	(0.04)		
BVH	0.27%	(2.49)	(47,682)	0.00%	0.00	0	-47,682	(0.05)		
TCB	7.88%	(16.91)	(687,512)	15.00%	(0.43)	(17,449)	-704,961	(0.05)		
MBB	5.10%	(14.28)	(570,008)	10.98%	2.18	87,212	-482,796	(0.05)		
GVR	0.34%	(3.33)	(108,451)	0.00%	0.00	0	-108,451	(0.05)		
VJC	2.10%	(9.19)	(90,773)	0.00%	0.00	0	-90,773	(0.05)		
VIC	3.24%	(10.24)	(252,620)	0.00%	0.00	0	-252,620	(0.06)		
VPB	5.86%	(24.88)	(1,292,251)	11.57%	3.79	196,890	-1,095,361	(0.06)		
BID	0.75%	(6.84)	(174,742)	0.39%	0.99	25,253	-149,489	(0.06)		
SHB	2.24%	(8.74)	(848,786)	3.11%	(0.53)	(51,471)	-900,257	(0.06)		
VRE	1.09%	(6.93)	(404,199)	0.00%	0.00	0	-404,199	(0.06)		
PLX	0.34%	(1.73)	(44,999)	0.00%	0.00	0	-44,999	(0.07)		
MWG	5.01%	(26.67)	(434,340)	0.00%	0.00	0	-434,340	(0.07)		
ACB	7.16%	(25.02)	(979,368)	9.54%	4.10	160,300	-819,068	(0.10)		
FPT	10.00%	(97.24)	(650,027)	0.00%	0.00	0	-650,027	(0.11)		
SSB	2.17%	(11.29)	(668,146)	0.72%	0.11	6,784	-661,363	(0.12)		
VHM	4.05%	(35.37)	(876,615)	0.00%	0.00	0	-876,615	(0.14)		
VCB	3.95%	(27.97)	(303,346)	3.01%	2.24	24,349	-278,997	(0.17)		
GAS	0.56%	(6.37)	(93,041)	0.00%	0.00	0	-93,041	(0.19)		
POW	0.00%	(39.39)	(3,282,319)	0.00%	0.00	0	-3,282,319	(0.48)	Dự kiến bị loại trong VN30	
BCM	0.20%	(18.76)	(268,786)	0.00%	0.00	0	-268,786	(1.35)		

Nguồn: BSC Research

# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

### Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

### Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 44	36,564.6	38,399.9	1,835.3	(52,100.1)
Tuần 45	37,949.9	103,399.9	65,450.0	13,349.9
Tuần 46	92,549.9	123,499.7	30,949.8	44,299.7
Tuần 47	103,599.7	109,250.0	5,650.3	49,950.0
Tuần 48	77,980.0	61,949.9	(16,030.2)	33,919.8
Tuần 49	74,474.9	33,950.0	(40,524.9)	(6,605.0)
Tuần 50	46,950.0	53,549.9	6,599.9	(5.1)
Tuần 51	101,422.9	29,971.9	(71,451.0)	(71,456.1)
Tuần 52	24,806.9	101,372.9	76,566.0	5,109.9

Nguồn: SBV, BSC Research

### Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.45%	4.77%	5.28%	5.48%
So với tuần trước	+1.12%	+0.87%	+0.43%	+0.42%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	395,168.3	21,332.3	1,126.8	5,181.8
So với tuần trước	+12.08%	+50.47%	-69.82%	+42.18%

\* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 26/12/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

### Nhận xét:

- Trong tuần 52, SBV đã phát hành 20,810.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 69,999.9 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 76,566.0 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng VNĐ vẫn giao dịch trong biên độ lộn.

## PTKT: Quay lại đỉnh ngắn hạn nhờ lực đỡ nhóm cổ phiếu Ngân hàng

**Đồ thị ngày:** Sau những phiên giằng co với những cây nến doji quanh SMA 100 và SMA 200, VN-Index có một phiên breakout quay về kiểm tra đỉnh ngắn hạn. Chỉ số sau đó tiếp tục giằng co tại đỉnh cũ với 1 cây nến spinning top và 1 cây nến doji cuối tuần. Dải bollinger chuyển sang sang đi ngang, các chỉ báo kỹ thuật về mức trung tính cho thấy xu hướng chưa thoát khỏi xu thế giằng co ngắn hạn.

### Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 55 lên 60 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 21% so với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20 nhưng giảm SMA 50, 100 và 200.

**Kết luận:** Diễn biến giằng co suy yếu cùng với thanh khoản tăng nhẹ cho thấy nguy cơ hình thành mô hình 2 đỉnh hoặc lùi về vùng thấp 1,260 điểm để tích lũy lại nếu nhóm cổ phiếu Ngân hàng giữ trụ suy yếu trong tuần tới. Điểm tích cực là các đường SMA ngắn hạn đã cắt SMA trung dài hạn từ dưới lên và ngưỡng hỗ trợ khá gần tại 1,258 – 1,260 điểm hội tụ bởi các đường trung bình trung và dài hạn. VN-Index do vậy sẽ có khả năng cao vận động trong khung giá ổn định 1,260 – 1,280 điểm tuần tới, trước khi chờ các thông tin hỗ trợ để tạo xu hướng.



## VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
CTG	7.33	3.46
LPB	8.41	1.75
STB	10.49	1.63
TCB	3.36	1.37
MBB	4.38	1.36
HDB	6.62	1.32
BID	1.98	1.28
ACB	3.02	0.81
VIB	5.80	0.80
VPB	1.85	0.68
<b>Tổng</b>		<b>14.45</b>

### Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
VCB	-0.32	-0.41
DXG	-12.04	-0.38
VNM	-1.08	-0.36
VTP	-6.69	-0.28
GVR	-0.65	-0.19
HVN	-1.02	-0.16
PLX	-1.28	-0.15
CMG	-4.60	-0.12
POW	-1.64	-0.11
DXS	-9.37	-0.10
<b>Tổng</b>		<b>-2.27</b>

### Khối ngoại mua ròng

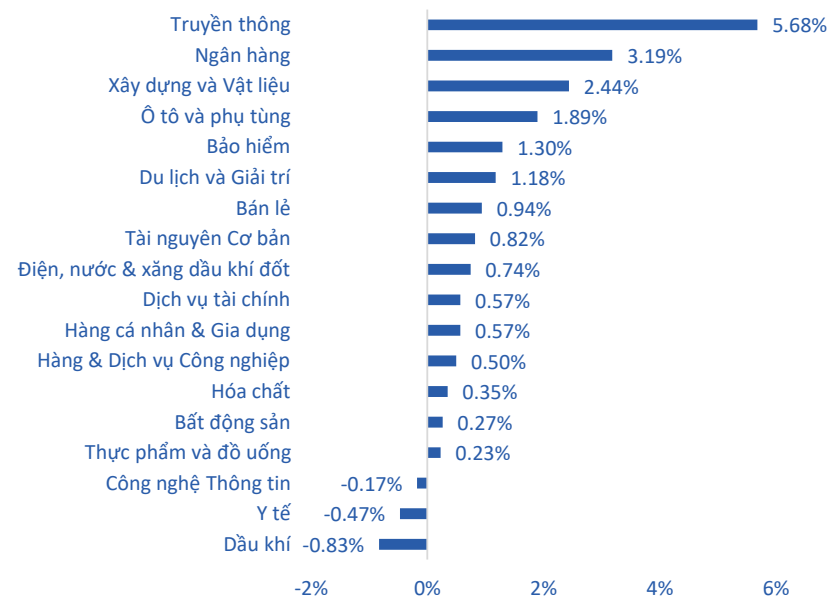
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
SSI	301.92
STB	209.34
CTG	180.96
HDB	105.64
KDH	86.06
DGC	82.55
MWG	66.73
DHT	65.04
HAX	64.73
NVL	56.56
<b>Tổng</b>	<b>1,219.54</b>

### Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VCB	-399.26
NLG	-203.05
BID	-171.67
VRE	-145.57
VTP	-113.05
VNM	-94.59
FPT	-82.07
MSN	-63.04
VHC	-51.81
VNS	-39.87
<b>Tổng</b>	<b>-1363.97</b>

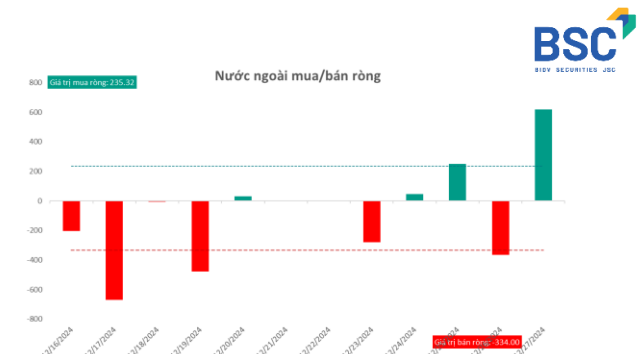
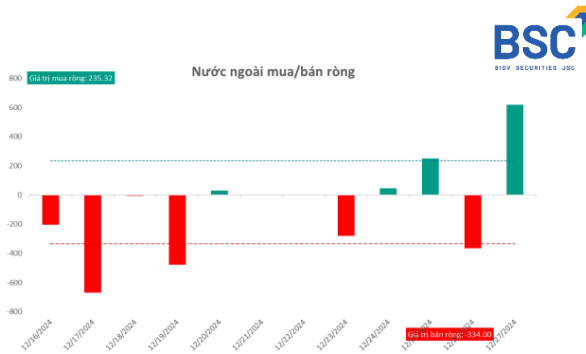
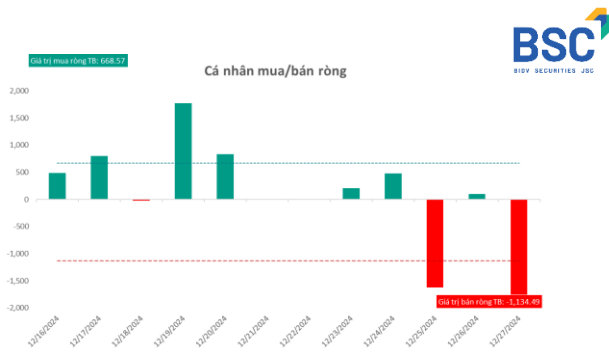
### Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Truyền thông	<b>-5.38%</b>	<b>5.68%</b>	<b>62.52%</b>
Ngân hàng	<b>0.91%</b>	<b>3.19%</b>	<b>4.11%</b>
Xây dựng và Vật liệu	<b>-0.27%</b>	<b>2.44%</b>	<b>6.19%</b>
Ô tô và phụ tùng	<b>-0.02%</b>	<b>1.89%</b>	<b>4.14%</b>
Bảo hiểm	<b>-0.66%</b>	<b>1.30%</b>	<b>13.93%</b>





# DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FPT	4,593,972	686.75	EIB	6,834,800	(122.78)	SSI	11,455,543	301.92	VCB	4,224,530	(399.26)	VJC	8,043,278	856.00	STB	23,909,947	(882.13)
STB	12,858,192	476.59	FUEMAV 30	4,386,200	(69.91)	STB	5,693,555	209.34	NLG	5,626,200	(203.05)	VCB	3,195,118	303.93	FPT	4,753,335	(710.79)
ACB	14,480,032	371.41	NLG	1,459,926	(50.83)	CTG	4,823,123	180.96	BID	4,457,563	(171.67)	NLG	5,370,426	191.86	SSI	17,191,826	(449.99)
SSI	7,159,856	180.98	MWG	819,900	(50.48)	HDB	4,378,448	105.64	VRE	8,508,742	(145.57)	EIB	10,327,598	186.01	ACB	16,825,152	(438.04)
TCB	5,723,780	140.56	VNM	682,300	(42.35)	KDH	2,395,790	86.06	VTP	814,750	(113.05)	BID	4,315,499	166.11	HDB	11,414,803	(271.54)
E1VFN30	4,768,100	111.84	VIB	2,071,507	(39.84)	DGC	700,496	82.55	VNM	1,474,182	(94.59)	TDM	3,034,050	142.61	HPG	7,549,029	(204.79)
DBD	1,700,000	96.90	FUEVFN30	790,300	(26.08)	MWG	1,080,218	66.73	FPT	548,269	(82.07)	VNM	1,505,382	95.08	DGC	1,700,743	(200.35)
VDS	4,520,000	88.14	FRT	93,600	(17.20)	HAX	3,690,700	64.73	MSN	887,501	(63.04)	VRE	5,345,442	90.75	KDH	3,674,502	(131.81)
FCN	6,000,000	82.80	DGC	119,000	(13.81)	NVL	5,427,530	56.56	VHC	708,300	(51.81)	NAB	5,582,425	88.87	CTR	882,547	(109.57)
HPG	2,996,805	80.77	HSG	506,100	(9.38)	PDR	2,659,656	54.79	VNS	3,987,000	(39.87)	VTP	623,650	86.91	VHM	2,574,701	(105.27)

## DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92.2	0.1%	0.7	20,272	5.9	6,194	14.9	0.0	23.0%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	39.2	0.4%	1.40	10,623	4.4	4106	9.5	-	16.9%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.2	0.0%	1.00	6,008	12.5	1663	11.6	-	25.1%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	24.6	1.0%	1.30	6,837	14.9	3207	7.7	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	25	0.6%	1.20	5,229	16.5	4021	6.2	26,600	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	37.4	0.8%	1.40	2,774	16.4	4640	8.1	-	23.5%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	38.8	1.6%	1.60	8,196	14.6	4035	9.6	-	27.0%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	25.6	0.0%	0.90	4,490	7.7	3638	7.0	-	30.0%	<a href="#">Link</a>
SSI	Chứng khoán	26.6	0.9%	1.50	2,053	17.1	1490	17.9	-	40.1%	<a href="#">Link</a>
IDC	BĐS KCN	55.9	-0.5%	1.10	726	2.1	6634	8.4	65,700	22.5%	<a href="#">Link</a>
HPG	VLXD	26.8	-0.6%	1.00	6,756	12.0	1905	14.1	41,500	21.7%	<a href="#">Link</a>
HSG	VLXD	18.8	-0.8%	1.50	459	2.9	828	22.7	25,300	9.6%	<a href="#">Link</a>
VHM	BĐS	40	-0.7%	0.70	6,520	4.5	4700	8.6	108,300	12.3%	<a href="#">Link</a>
KDH	BĐS	35.8	-0.1%	1.10	1,424	3.5	522	68.6	44,500	36.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	36.4	0.6%	1.30	551	2.8	793	45.9	-	45.8%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	117	-0.5%	1.40	1,748	7.8	7791	15.0	115,000	18.0%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	36.3	-0.1%	0.90	756	3.9	2917	12.4	38,700	5.9%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	68.5	0.0%	0.50	6,313	1.5	4728	14.5	-	1.8%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	34.2	0.9%	1.10	643	2.8	1919	17.8	57,000	19.4%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	24.1	0.2%	1.40	527	2.9	1211	19.9	38,400	10.2%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	12	-1.2%	0.60	1,106	2.0	597	20.1	17,100	3.7%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	71.9	-1.5%	1.20	635	2.9	3814	18.9	108,500	28.4%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	66.5	-0.4%	0.70	1,083	1.9	4315	15.4	90,400	48.6%	<a href="#">Link</a>
VNM	Bán lẻ	63.8	0.0%	0.40	5,245	6.1	4591	13.9	93,100	51.6%	<a href="#">Link</a>
MSN	Bán lẻ	70.4	-0.1%	1.00	4,190	6.6	898	78.4	110,000	26.3%	<a href="#">Link</a>
MWVG	Bán lẻ	61.4	-0.2%	1.10	3,531	16.8	2028	30.3	-	46.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	97.6	0.1%	1.10	1,297	1.6	5960	16.4	118,000	49.0%	<a href="#">Link</a>
DGW	Bán lẻ	40.8	-0.4%	1.80	352	1.7	1809	22.6	66,600	20.5%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	149.6	-0.1%	1.10	8,657	15.1	5129	29.2	107,900	45.6%	<a href="#">Link</a>
CTR	Công nghệ	122.9	-1.7%	1.50	553	3.9	4640	26.5	-	10.2%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

## DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	25.0	3.3%	1.1	3,430	12.2	4,461	5.6	1.5	16.9%	27.8%
VIB	Ngân hàng	20.0	1.5%	1.1	2,350	18.0	2,412	8.3	1.5	5.0%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.8	1.2%	1.4	1,741	18.3	1,840	9.1	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.7	1.3%	1.1	1,197	5.3	1,687	6.9	0.9	27.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	19.4	1.0%	0.7	1,425	4.3	1,447	13.4	1.5	2.5%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.4	0.5%	1.8	834	9.1	1,409	20.9	2.1	44.7%	10.6%
VCI	Chứng khoán	33.8	-0.1%	1.6	953	5.8	1,419	23.8	2.2	25.0%	9.6%
VND	Chứng khoán	12.8	-0.8%	1.5	770	2.6	1,503	8.6	1.0	11.9%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.6	0.8%	2.0	426	1.0	1,732	28.1	2.2	40.8%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.0	0.0%	1.7	416	2.1	1,178	11.0	1.0	3.0%	10.5%
CTD	Xây dựng	68.2	-1.2%	1.4	268	1.7	3,361	20.3	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.8	1.3%	1.4	201	2.5	835	14.1	0.6	8.6%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.3	-1.4%	1.4	78	0.8	825	12.5	0.8	2.0%	5.7%
SZC	BĐS KCN	42.6	-0.9%	1.0	302	3.1	1,572	27.1	2.5	2.3%	12.1%
SIP	BĐS KCN	83.1	-2.2%	1.3	688	3.4	5,635	14.7	4.1	4.5%	29.0%
PHR	BĐS KCN	53.4	-0.9%	0.9	285	0.2	2,858	18.7	1.9	18.0%	12.1%
DIG	BĐS	19.0	-1.0%	1.6	456	3.9	135	141.0	1.5	4.2%	1.1%
CEO	BĐS	13.5	-0.7%	1.8	287	1.1	316	42.7	1.2	4.4%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.6	0.4%	1.4	835	3.8	549	50.3	1.1	18.8%	1.7%
VGC	BĐS KCN	44.7	0.4%	1.2	788	1.8	1,312	34.1	2.4	3.3%	8.2%
GVR	BĐS KCN	30.7	-0.6%	1.6	4,831	1.9	851	36.1	2.4	0.3%	6.5%
NKG	VLXD	14.6	-1.0%	1.6	257	1.5	1,736	8.4	0.7	7.6%	7.4%
BMP	VLXD	134.8	0.9%	1.1	434	1.8	12,420	10.9	3.8	84.2%	34.6%
IJC	BĐS	14.0	-1.1%	1.2	207	0.8	729	19.1	1.1	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	15.7	-1.9%	1.5	445	12.7	197	79.7	1.1	19.0%	1.9%
VRE	BĐS	17.2	0.0%	1.2	1,533	4.0	1,795	9.6	1.0	19.2%	11.9%
PDR	BĐS	20.6	-0.7%	1.7	708	4.5	500	41.2	1.6	6.9%	5.0%
DIG	BĐS	19.0	-1.0%	1.6	456	3.9	135	141.0	1.5	4.2%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.0	-0.6%	0.7	562	0.6	75	212.9	1.6	1.4%	1.7%
C4G	Xây dựng	8	-1.2%	1.00	-	0.1	573	14.0	0.7	0.0%	4.8%

## DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	46.2	0.3%	1.5	201	4.0	2,122	21.7	3.5	3.1%	15.2%
DHC	Hóa chất	38.3	-0.8%	1.0	121	0.7	3,330	11.5	1.6	40.6%	13.3%
DRC	Cao su	29.2	-1.0%	0.9	136	0.5	2,259	12.9	1.8	9.1%	16.5%
PC1	Tiện ích	22.8	-1.1%	1.1	321	1.1	1,511	15.1	1.3	13.2%	6.1%
HDG	Tiện ích	29.0	-2.5%	1.3	384	6.8	2,116	13.7	1.6	20.3%	11.8%
GEX	Tiện ích	19.4	0.0%	1.4	654	2.4	1,207	16.0	1.2	5.6%	7.0%
QTP	Tiện ích	13.8	0.0%	0.5	-	0.1	1,500	9.2	1.2	0.9%	11.2%
PLX	Dầu khí	38.5	0.1%	0.7	1,924	1.6	2,350	16.4	1.9	17.5%	13.8%
BSR	Dầu khí	22.3	-1.3%	1.1	-	3.7	966	23.1	1.2	0.6%	13.4%
PLC	Dầu khí	23.0	0.0%	1.2	73	0.4	611	37.6	1.5	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	19.8	-2.2%	1.2	207	2.2	315	62.8	0.9	1.3%	1.2%
PTB	VLXD	65.7	-0.6%	1.1	173	0.4	4,944	13.3	1.6	23.5%	11.9%
VSC	Logistics	16.2	-0.3%	1.1	183	2.4	737	22.0	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	49.0	-0.1%	0.9	234	5.3	3,571	13.7	2.0	13.7%	10.6%
VTP	Logistics	132.5	-4.0%	1.5	635	10.4	2,929	45.2	10.8	7.5%	22.8%
DBC	Bán lẻ	28.6	0.2%	1.6	376	7.5	1,604	17.8	1.5	7.9%	5.0%
FRT	Bán lẻ	183.8	0.0%	0.8	985	3.8	775	237.3	13.9	36.5%	11.8%
QNS	Bán lẻ	52.0	0.2%	0.5	-	0.8	6,553	7.9	2.0	13.5%	28.7%
TNG	Dệt may	25.6	-1.5%	1.1	124	2.6	2,427	10.5	1.7	17.4%	14.7%
PVT	Logistics	27.7	-1.1%	1.0	388	2.6	3,130	8.8	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.6	1.1%	1.0	548	6.1	1,700	20.9	1.3	8.7%	5.5%
REE	Tiện ích	68	0.0%	0.9	1,260	1.1	3,860	17.6	1.8	49.0%	10.0%

*Nguồn: BSC Research*

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

## **Đối với Khách hàng tổ chức Đối với Khách hàng cá nhân**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC Trung tâm tư vấn i-Center  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)      [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(024) 39264 659      (024) 39264 660

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

# CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

## THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (\*)

Ngày sinh (\*)

CMTND/CCCD (\*)

Ngày cấp (\*)

Nơi cấp (\*)

Số điện thoại (\*)

Email (\*)

Địa chỉ liên hệ (\*)

Tỉnh/Thành phố (\*)

Quận/Huyện (\*)

Phường/Xã (\*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)




Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký